

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001175

Trang : 1/2

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Thị Bích</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>
--	--	---	---

D: 30
H: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240093	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	13/04/2002	CCQ2024D		135	<i>Am</i>	6.6	6.0	6.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120240090	TRẦN LÊ HOÀNG ANH	22/09/2002	CCQ2024D		214	<i>HL</i>	8.1	7.2	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119240054	NGUYỄN THỊ HỒNG BÔNG	24/06/2001	CCQ1924C		482	<i>Bong</i>	8.0	5.7	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119240086	MAI THỊ NGỌC CHI	05/01/2001	CCQ1924D		356	<i>Chi</i>	8.7	4.2	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120240002	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	25/12/1999	CCQ2024A		135	<i>Chi</i>	9.5	9.4	9.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120240004	NGUYỄN QUỐC DUY	10/03/2001	CCQ2024A		214	<i>Duy</i>	8.6	8.4	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120240064	TRẦN ĐÌNH DUY	03/10/2001	CCQ2024C		5182	<i>Duy</i>	9.0	4.8	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120240231	VÕ HUỲNH KIỀU DUYÊN	25/06/1996	CCQ2024H		356	<i>Kieu</i>	7.8	5.8	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120240096	NGUYỄN HOÀNG HẢI ĐĂNG	17/09/2002	CCQ2024D		435	<i>Hai</i>	7.1	3.8	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120240035	LÊ NGUYỄN THANH HÀ	09/10/2001	CCQ2024B		214	<i>Ha</i>	9.6	9.1	9.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120240098	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	25/08/2002	CCQ2024D		482	<i>Hao</i>	7.3	5.3	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120240234	DƯƠNG THÙY HIỀN	01/02/2001	CCQ2024H		356	<i>Thuy</i>	7.3	4.3	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120240037	HỒ THỊ THU HIỀN	26/01/2002	CCQ2024B		135	<i>Thu</i>	7.2	4.2	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120240038	NGUYỄN THỊ NGỌC HIẾU	27/12/1998	CCQ2024B		214	<i>Hieu</i>	8.9	9.4	9.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120240101	PHAN XUÂN HIỆU	21/12/2001	CCQ2024D		482	<i>Hieu</i>	8.1	3.7	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120240183	NGUYỄN THỊ HÒA	17/07/2002	CCQ2024D		356	<i>Hoa</i>	8.8	3.3	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120240103	LÊ ANH KHOA	20/08/2001	CCQ2024D		135	<i>Khoa</i>	8.1	5.7	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120240044	LÊ KHẢ KỲ	01/08/2001	CCQ2024B		214	<i>Kha</i>	8.2	6.0	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120240047	NGUYỄN THÙY LINH	01/05/2002	CCQ2024B		482	<i>Linh</i>	9.0	7.2	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120240006	HOÀNG TRÚC LY	23/10/2002	CCQ2024A		356	<i>Ly</i>	8.0	6.6	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001175

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1 <i>Hồng Đức Bình</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng Hy Phuc</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Phương Vinh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Tuyết Hoa</i>
--	---------------------------------------	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119240179	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	03/12/2001	CCQ1924G		135	<i>MI</i>	8.8	5.3	6.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120240107	NGUYỄN THỊ KIM MINH	04/11/2001	CCQ2024D		214	<i>MINH</i>	7.8	3.8	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120240209	VÕ TRÀ MY	24/07/2002	CCQ2024C		482	<i>MY</i>	9.2	7.2	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120240007	HUỖNH THỊ NGỌC MỸ	08/09/2002	CCQ2024A		356	<i>MY</i>	9.1	7.0	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120240008	LÊ THỊ KIM NGÂN	14/08/1998	CCQ2024A		135	<i>NGÂN</i>	8.8	9.0	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2119240098	LÊ TRÚC NGÂN	18/01/2001	CCQ1924D		214	<i>TRÚC</i>	1.0	5.5	9.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2120240009	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	14/05/2002	CCQ2024A		482	<i>TUYẾT</i>	7.4	4.3	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120240011	NGUYỄN THỊ THẠCH NGỌC	29/07/1999	CCQ2024A		356	<i>THẠCH</i>	8.8	6.3	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120240110	BÙI THỊ HỒNG NGUYỄN	15/08/2002	CCQ2024D		135	<i>HỒNG</i>	6.6	5.5	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120240205	CHÂU YẾN NHI	06/11/2002	CCQ2024B		214	<i>NHI</i>	9.3	9.4	9.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001176

Trang : 1/2

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240013	NGUYỄN VŨ BẢO	NHI	08/09/2001	CCQ2024A	482		9.4	75	2.3		
2	2120240206	VŨ THỊ MINH	NHUNG	14/10/2002	CCQ2024B	356		8.9	85	8.7		
3	2120240014	HÀ ÁI	NHƯ	24/09/2001	CCQ2024A	135		8.7	79	8.2		
4	2120240074	LÊ THỊ CẨM	NI	22/10/2000	CCQ2024C	214		9.8	92	9.4		
5	2120240111	MÃ THỊ PHÚ	OANH	27/03/2001	CCQ2024D	482		8.0	93	9.2		
6	2120240207	PHAN THỊ KIỀU	OANH	06/04/2002	CCQ2024B	356		9.1	77	8.3		
7	2120240210	NGUYỄN THỊ THANH	PHỤNG	09/12/2002	CCQ2024C	135		7.7	47	5.9		
8	2120240016	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	01/07/2002	CCQ2024A	214		7.2	33	4.9		
9	2118240192	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	08/03/2000	CCQ1824C	482		6.9	57	6.2		
10	2120240247	NGUYỄN THUY THẢO	QUYÊN	04/09/2002	CCQ2024H	356		9.8	89	9.3		
11	2120240212	PHẠM THỊ HỒNG	QUYÊN	10/03/2002	CCQ2024D	135		8.9	87	8.8		
12	2120240112	ĐOÀN HUỲNH DIỄM	QUYÊN	06/04/2002	CCQ2024D	482		9.3	86	8.9		
13	2120240017	VÕ THỊ ÁI	QUỲNH	09/10/2002	CCQ2024A	482		9.3	83	8.7		
14	2120240019	NGUYỄN MINH	TÂN	15/09/2002	CCQ2024A	356		9.2	81	8.5		
15	2120240020	HÀU THỊ DIỆU	THANH	07/12/2002	CCQ2024A	135		8.7	80	8.3		
16	2120240021	HỒ THỊ KIM	THÀNH	01/10/2002	CCQ2024A	214		7.6	37	5.3		
17	2120240113	NGUYỄN VĂN	THÀNH	18/11/1995	CCQ2024D	482		7.3	47	5.7		
18	2120240023	TRẦN THỊ THU	THẢO	16/09/2002	CCQ2024A	356		7.9	49	6.1		
19	2120240052	ĐỖ THỊ HỒNG	THẨM	29/07/2002	CCQ2024B	135		8.1	59	6.8		
20	2118240407	VÕ NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	28/11/2000	CCQ1824F	214		6.9	52	5.9		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001176

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

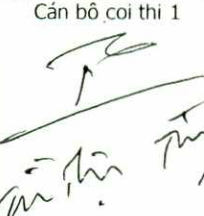
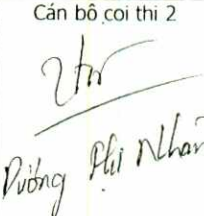
Giờ: **09:45**

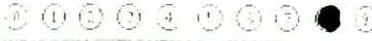
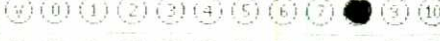
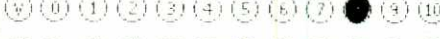
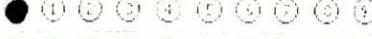
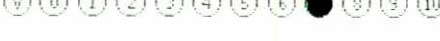
Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt:30

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi:30

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	TH	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120240079	TRẦN THỊ XUÂN	THI	01/11/2002	CCQ2024C		482		8.4	47	6.2		
22	2119240313	ĐINH THỊ ANH	THỨ	05/05/2001	CCQ1924K		356		7.1	66	6.8		
23	2120240024	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	29/10/2001	CCQ2024A		135		9.0	66	7.6		
24	2118240413	NGUYỄN VŨ ANH	THỨ	26/08/2000	CCQ1824F		214		6.9	34	4.8		
25	2120240026	DƯƠNG QUÝ	THY	12/02/2002	CCQ2024A		482		7.2	55	6.2		
26	2120240211	PHAN NỮ THÙY	TIÊN	15/02/2002	CCQ2024C		356		5.6	84	8.5		
27	2120240082	HỒ THỊ THÙY	TRANG	04/09/2002	CCQ2024C		135		5.8	75	8.0		
28	2120240055	NGUYỄN LÊ NHÃ	TRÚC	06/03/2002	CCQ2024B		214		7.1	41	5.3		
29	2120240255	ĐÀO NHẬT	VY	02/02/2002	CCQ2024H		482		8.5	75	7.9		
30	2120240030	ĐẶNG THỊ KIM	XUÂN	07/04/2002	CCQ2024A		356		5.1	69	7.4		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi